XÂY DỰNG RUBRIC ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC TRONG DẠY HỌC VẬT LÍ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

BUILDING A RUBRIC FOR ASSESSING COMMUNICATION AND COLLABORATION COMPETENCE IN PHYSICS TEACHING THROUGH EXPERIENTIAL ACTIVITIES

Trần Thanh Bình*, Đinh Thị Trà Mi**

**Trường THPT Mạc Đĩnh Chi; **Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*

Received: 22/9/2025; Accepted: 30/09/2025; Published: 08/10/2025

Tóm tắt: *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 yêu cầu một sự chuyển đổi từ dạy học dựa trên nội dung sang phát triển năng lực cho học sinh, đặc biệt là năng lực Giao tiếp và Hợp tác (GT&HT). Tuy nhiên, trên thực tế, giáo viên gặp nhiều khó khăn trong việc đánh giá các năng lực này một cách khách quan, đặc biệt là trong các hoạt động trải nghiệm (HĐTN) môn Vật lí, do thiếu các công cụ đo lường hiệu quả. Nghiên cứu đã xây dựng và đề xuất rubric chi tiết để đánh giá năng lực GT&HT để giúp giáo viên lượng hóa được các biểu hiện hành vi và ghi nhận sự tiến bộ rõ rệt của học sinh. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với thực tiễn giảng dạy, cung cấp cho giáo viên một công cụ khoa học để đánh giá năng lực GT&HT một cách khách quan, từ đó đưa ra phản hồi mang tính xây dựng và hỗ trợ sự tiến bộ của học sinh*

Từ khóa: *Đánh giá năng lực, Năng lực giao tiếp và hợp tác, Học tập trải nghiệm, Vật lí*

Abstract: *The 2018 General Education Curriculum requires a shift from content-based teaching to competency development for students, particularly focusing on Communication and Collaboration (C&C) competence. However, in practice, teachers face many difficulties in objectively assessing these competencies, especially in experiential activities (EAs) in Physics, due to the lack of effective measurement tools. This study has developed and proposed a detailed rubric to assess C&C competence, helping teachers quantify behavioral indicators and recognize students' noticeable progress. The research results hold significant implications for teaching practice, providing teachers with a scientific tool to objectively evaluate C&C competence, thereby offering constructive feedback and supporting students' development.*

Keywords: *Competency assessment, Communication and cooperation competency, Experiential learning, Physics.*

1. Đặt vấn đề

Một trong những điểm cốt lõi của Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 là sự chuyển từ mục tiêu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực cho học sinh (HS). Trong hệ thống năng lực, năng lực Giao tiếp và Hợp tác (GT&HT) được xác định là một trong ba năng lực chung, có vai trò nền tảng cần được hình thành ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục. Môn Vật lí mang đến nhiều cơ hội để tổ chức các hoạt động dạy học tích cực nhằm bồi dưỡng năng lực này. Kỹ năng giao tiếp và hợp tác được hình thành có hiệu qủa thông qua hoạt động trải nghiệm (HĐTN). Tuy nhiên, việc đánh giá năng lực GT&HT của giáo viên còn gặp khó khăn vì chưa có công cụ đo lường khoa học, khách quan với các tiêu chí và chỉ báo hành vi rõ ràng. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu xây dựng rubric đánh giá năng lực GT&HT. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu lí thuyết để thu thập tài liệu từ nhiều nguồn: Tài liệu trên Google Scholar, sách chuyên khảo, các tạp chí chuyên ngành những công trình khoa học đã công bố.Từ các tài liệu được thu thập, tác giả phân tích, tổng hợp nhằm hệ thống hóa và khái quá hóa thông tin phục vụ cho nghiên cứu đề xuất Rubric đánh giá năng lực GT&HT trong dạy học Vật lí thông qua HĐTN.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Rubric đánh giá năng lực GT&HT

a) Rubric đánh giá năng lực: Theo các nghiên cứu của (Trịnh Thúy Giang và cộng sự, 2023), (Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh, 2024) Rubric đánh giá năng lực giao tiếp và hợp tác là một bảng mô tả chi tiết các tiêu chí và mức độ chất lượng khác nhau cho từng tiêu chí, giúp người đánh giá chấm điểm một cách rõ ràng, khách quan đối với khả năng làm việc nhóm, tổ chức, tương tác và làm chủ các mối quan hệ của cá nhân hoặc tổ chức. Nói cách khác, rubric giống như một "bản thang đo" mô tả rõ ràng người học cần đạt được gì, ở mức nào thì được xem là tốt, khá, trung bình hoặc chưa đạt. Dựa vào hình thức, rubric được chia thành hai loại: Rubric định tính/ tổng hợp và Rubric định lượng/ phân tích.Việc xây dựng rubric bao gồm hai nội dung là xây dựng tiêu chí đánh giá và xây dựng các mức độ đạt được của các tiêu chí đó. Trong đó, các mức độ thường được thể hiện dưới dạng thang mô tả

hoặc kết hợp giữa thang số và thang mô tả để mô tả chi tiết các mức độ thực hiện nhiệm vụ của người học

b) Giao tiếp và hợp tác: Tổng hợp nghiên cứu của Trần Thị Gái, Kiều Thị Kính, Ngô Thị Hoàng Vân (2020), thuật ngữ giao tiếp và hợp tác bao gồm hai thành phần chính là "giao tiếp" và "hợp tác". Từ phân tích về năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác, có thể hiểu "Năng lực giao tiếp và hợp tác là khả năng mỗi cá nhân có thể tiếp nhận, chuyển giao và xử lí với độ chính xác cao, rõ ràng, dễ hiểu khi kết hợp với một người hoặc nhóm người nhằm thực hiện có hiệu quả các vấn đề trong học tập và đời sống". Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã xác định năng lực giao tiếp và hợp tác là một trong những năng lực chung được tất cả các môn học và hoạt động giáo dục (sau đây gọi chung là môn học) góp phần hình thành, phát triển bên cạnh năng lực tự chủ và tự học và năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (Bộ GD&ĐT, 2018a).

2.1.2. Hoạt động trải nghiệm

Thuật ngữ HĐTN được hiểu khá rộng trong khoa học giáo dục. Ở nhiều quốc gia, HĐTN - nếu được xem như hoạt động giáo dục theo nghĩa hẹp - có nhiều cách gọi và hình thức tổ chức khác nhau như: "hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp", "hoạt động ngoại khóa", "hoạt động giáo dục bên ngoài lớp học", "hoạt động tập thể",… Quan điểm giáo dục "học qua trải nghiệm" đã hình thành, phát triển bởi nhiều nhà giáo dục trên thế giới và trở thành triết lí giáo dục quốc gia ở không ít nền giáo dục tiên tiến.

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, HĐTN được xác định là hoạt động giáo dục, trong đó HS dựa vào sự tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực và các nhóm kĩ năng khác nhau để tham gia trải nghiệm thực tiễn, đồng thời tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng dưới sự tổ chức và hướng dẫn của nhà giáo dục. Nội dung của HĐTN rất phong phú, mang tính tích hợp và tổng hợp kiến thức, kĩ năng từ nhiều môn học và nhiều lĩnh vực giáo dục khác nhau. Nhờ đó, hoạt động này làm cho việc giáo dục trở nên gần gũi, thiết thực hơn với đời sống, đáp ứng nhu cầu học tập của HS, đồng thời góp phần hình thành phẩm chất và năng lực cần thiết để thích ứng với xã hội hiện đại (Bộ GD&ĐT, 2018a).

2.2. Xây dựng rubric đánh giá năng lực GT&HT trong dạy học Vật lí thông qua HĐTN

2.2.1. Căn cứ xây dựng rubric

(1) Yêu cầu cần đạt đối với năng lực giao GT&HT (Bộ GD&ĐT, 2018a) cùng với khung chương trình môn Vật lí (Bộ GD&ĐT, 2018b) trong Chương trình GDPT 2018 dành cho HS THPT. Trên cơ sở các yêu cầu này, giáo viên xác định được những nhiệm vụ học tập mà HS cần thực hiện, từ đó định hướng việc xây dựng tiêu chí và mức độ đánh giá, tránh tình trạng đưa ra mức độ quá cao hoặc quá thấp so với khả năng của HS.

(2) Cấu trúc năng lực GT&HT cũng là cơ sở quan trọng. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt, giáo viên có thể xác định rõ các biểu hiện của từng thành phần trong năng lực này để xây dựng tiêu chí cùng các mức độ đánh giá phù hợp, sát điều kiện thực tế.

(3) Kế hoạch bài dạy Vật lí thông qua HĐTN đóng vai trò cốt lõi. Kế hoạch dạy học sử dụng các phương pháp và kĩ thuật phù hợp để tổ chức hoạt động cho HS theo định hướng phát triển năng lực từ mức thấp đến mức cao. Vì vậy, các tiêu chí trong rubric cần được thiết kế theo tiến trình của hoạt động dạy học trong tiết học, giúp giáo viên dễ dàng đánh giá từng thành phần của năng lực.

2.2.2. Nguyên tắc xây dựng rubric

Rubric được xây dựa trên 4 nguyên tắc, cụ thể như sau (Nguyễn Minh Giang, Diệp Kiều My, 2023):

(1) Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan và phân hóa. Rubric cần phản ánh toàn diện các khía cạnh của hoạt động hay sản phẩm do HS tạo ra để bảo đảm tính khách quan trong đánh giá. Đồng thời, các mức độ trong từng tiêu chí phải được thiết kế rõ ràng, thể hiện sự khác biệt giữa các mức, qua đó đánh giá đúng năng lực đạt được của từng đối tượng HS, đáp ứng yêu cầu phân hóa.

(2) Nguyên tắc tiếp cận theo năng lực người học. Rubric là công cụ đánh giá thể hiện quan điểm dạy học "lấy người học làm trung tâm". Vì vậy, cần xây dựng rubric nhằm đánh giá cả quá trình hoạt động lẫn sản phẩm học tập của HS theo những yêu cầu cần đạt về năng lực.

(3) Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi. Khi xây dựng, rubric phải phù hợp với thực tiễn dạy học và có thể áp dụng rộng rãi. Các tiêu chí và mô tả mức độ cần được trình bày bằng ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu, tường minh. Bên cạnh đó, rubric không nên quá dài, tránh gây mất thời gian và tạo khó khăn cho giáo viên trong quá trình sử dụng.

(4) Nguyên tắc tạo động lực phát triển. Việc áp dụng rubric trong đánh giá cần bảo đảm giúp HS vừa đạt được yêu cầu cần đạt, vừa xác định rõ hướng phấn đấu để vươn tới mục tiêu. Các mô tả trong từng tiêu chí phải định hướng cụ thể, giúp HS nhận biết mình đang ở mức độ nào, từ đó có kế hoạch khắc phục, tự điều chỉnh để nâng cao kết quả học tập theo yêu cầu của bài học hoặc chủ đề.

2.2.3. Các thành tố năng lực, tiêu chí và thang đánh giá

Các thành tố năng lực GT&HT bao gồm: (1) Xác định mục đích, nội dung và đối tượng giao tiếp; (2) Xác định mục đích và phương thức hợp tác; (3) Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân; (4) Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác; (5) Đánh giá hoạt động giao tiếp và hợp tác (Bộ

GD&ĐT, 2018a).

Căn cứ các thành tố năng lực GT&HT, các tiêu chí đánh cụ thể bao gồm: (1.1) Giao tiếp hiệu quả nhằm đạt mục đích cụ thể của HĐTN; (1.2) Xác định và phân tích đối tượng giao tiếp trong HĐTN; (1.3) Lựa chọn nội dung, ngôn ngữ và phương tiện phù hợp với đối tượng và bối cảnh của HĐTN; (1.4) Sử dụng ngôn ngữ để trình bày kế hoạch, báo cáo kết quả và chia sẻ các bài học kinh nghiệm rút ra từ HĐTN; (1.5) Tính chủ động, tự tin khi giao tiếp, trình bày trước tập thể hoặc tương tác với cộng đồng; (2.1) Chủ động hợp tác với các thành viên để giải quyết các nhiệm vụ hoặc vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình tổ chức HĐTN; (2.2) Lựa chọn và đề xuất phương pháp làm việc nhóm hiệu quả để lập kế hoạch và triển khai dự án HĐTN; (3.1) Thái độ (kiên trì, tích cực, tìm giải pháp) khi đối mặt với các khó khăn thực tế trong HĐTN; (3.2) Phân tích dự án/nhiệm vụ trải nghiệm thành các công việc cụ thể, logic để hoàn thành mục tiêu chung của nhóm; (4.1) Chủ động tìm kiếm thông tin thực tiễn liên quan đến HĐTN và tích cực thảo luận trong nhóm; (4.2) Nêu và bảo vệ ý kiến cá nhân một cách xây dựng trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện hoạt động; (4.3) Tham gia phân chia công việc trong HĐTN dựa trên điểm mạnh của từng thành viên và sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công; (4.4) Lắng nghe tích cực và phản hồi mang tính xây dựng đối với các ý tưởng và kết quả công việc của thành viên khác trong nhóm; (5.1) Khả năng tự đánh giá về quá trình tham gia, kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm của bản thân sau mỗi HĐTN; (5.2) Đánh giá lẫn nhau một cách công bằng, khách quan về sự đóng góp và kết quả của các thành viên khác và của cả nhóm trong suốt quá trình thực hiện HĐTN.

Thang đánh giá: Mỗi tiêu chí được đánh giá theo thang khoảng 4 mức độ: *Mức 1: Chưa đạt (tương ứng 0 điểm)*: Ở mức độ này, HS thường thể hiện sự thụ động, né tránh và thiếu kỹ năng cơ bản trong giao tiếp và hợp tác. *Mức 2: Đạt (tương ứng 1 điểm):* HS ở mức độ này đã có sự tham gia nhất định nhưng còn thiếu sự chủ động và thường xuyên cần sự nhắc nhở, hỗ trợ từ giáo viên hoặc các thành viên khác. *Mức 3: Khá (tương ứng 2 điểm)*: HS ở mức độ này thể hiện sự chủ động, tự tin và có trách nhiệm trong hầu hết các hoạt động của nhóm. *Mức 4: Tốt (Tương ứng 3 điểm):* Ở mức độ cao nhất, HS không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ mà còn có khả năng dẫn dắt, truyền cảm hứng và nâng cao hiệu quả hoạt động chung của cả nhóm.

2.2.4. Đề xuất rubric đánh giá năng lực GT&HT trong dạy học Vật lí thông qua HĐTN

Căn cứ các thành tố năng lực, tiêu chí và thang đánh giá, nghiên cứu đề xuất rubric đánh giá năng lực GT&HT trong dạy học Vật lí thông qua HĐTN như sau (bảng 1).

Bảng 1. Rubric đánh giá đánh giá năng lực GT&HT trong dạy học Vật lí thông qua HĐTN

Tiêu chí đánh giá	Mức độ			
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1.1. Giao tiếp hiệu quả nhằm đạt mục đích cụ thể của HĐTN.	Không xác định được mục đích giao tiếp. Nội dung lan man, không tập trung.	Nêu được mục đích khi được hỏi, nhưng quá trình trình bày đôi khi lạc đề, chưa hoàn toàn hướng tới mục tiêu.	Xác định rõ ràng mục đích ngay từ đầu. Toàn bộ nội dung, lập luận đều tập trung phục vụ cho mục đích đó.	Xác định chính xác, sâu sắc mục đích và truyền đạt được cho người nghe. Linh hoạt điều chỉnh để đạt mục tiêu hiệu quả nhất.
1.2. Xác định và phân tích đối tượng giao tiếp trong HĐTN.	Không quan tâm đến đối tượng giao tiếp. Dùng một phong cách cho tất cả mọi người, gây khó hiểu hoặc không phù hợp.	Nhận diện được đối tượng (thầy cô, bạn bè) nhưng chưa có sự điều chỉnh rõ rệt trong cách trình bày.	Xác định đúng đối tượng và có sự điều chỉnh cơ bản về ngôn ngữ, cách xưng hô, mức độ chi tiết cho phù hợp.	Phân tích sâu sắc đối tượng (kiến thức, thái độ) để chủ động điều chỉnh phong cách, nội dung, ngôn ngữ một cách tinh tế.
1.3. Lựa chọn nội dung, ngôn ngữ và phương tiện phù hợp với đối tượng và bối cảnh của HĐTN	Nội dung không liên quan, sai lệch. Ngôn ngữ và phương tiện không phù hợp ngữ cảnh	Lựa chọn được nội dung cơ bản, đúng chủ đề. Tuy nhiên, ngôn ngữ và phương tiện còn đơn điệu, chưa thật sự hiệu quả.	Chủ động lựa chọn nội dung trọng tâm, chính xác. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp. Kết hợp hợp lý các phương tiện (lời nói, slide, hình ảnh).	Lựa chọn nội dung phong phú, có chiều sâu, sáng tạo. Kết hợp linh hoạt, hiệu quả nhiều phương tiện để tăng sức hấp dẫn.
1.4. Sử dụng ngôn ngữ để trình bày kế hoạch, báo cáo kết quả và chia sẻ các bài học kinh nghiệm rút ra từ HĐTN	Sử dụng sai các thuật ngữ, khái niệm Vật lí cơ bản. Diễn đạt mơ hồ, sai lệch.	Sử dụng được các thuật ngữ Vật lí cơ bản nhưng đôi khi còn nhầm lẫn. Có thể trình bày lại các định nghĩa đơn giản.	Sử dụng chính xác các thuật ngữ, ký hiệu, đơn vị Vật lí. Giải thích các vấn đề Vật lí rõ ràng, mạch lạc, logic.	Sử dụng thành thạo, chính xác và linh hoạt ngôn ngữ Vật lí. Có khả năng vận dụng giải thích hiện tượng phức tạp, liên hệ thực tiễn.
1.5. Tính chủ động, tự tin khi giao tiếp, trình bày trước tập thể hoặc tương tác với cộng đồng.	Thụ động, rụt rè, né tránh trình bày. Khi nói thì giọng nhỏ, không giao tiếp bằng mắt, lo lắng, căng thẳng.	Còn e dè nhưng vẫn trình bày khi được yêu cầu. Giọng nói còn nhỏ, chưa giao tiếp bằng mắt, phong thái còn cứng nhắc.	Tự tin trình bày ý kiến. Giọng nói to, rõ ràng. Có giao tiếp bằng mắt. Phong thái đĩnh đạc. Chủ động tham gia giao tiếp.	Hoàn toàn làm chủ không gian. Phong thái tự tin, lôi cuốn, truyền cảm hứng. Chủ động dẫn dắt và tương tác với người nghe.
2.1. Chủ động hợp tác với các thành viên để giải quyết các nhiệm vụ hoặc vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình tổ chức HĐTN	Thụ động, ỷ lại, chỉ tham gia khi bị bắt buộc, không đóng góp.	Có tham gia khi được phân công hoặc nhắc nhở nhưng thiếu chủ động, chủ yếu làm theo chỉ dẫn.	Chủ động tham gia, tích cực đóng góp ý kiến, lắng nghe và sẵn sàng nhận nhiệm vụ.	Thúc đẩy, kết nối các thành viên; tự phát hiện vấn đề và điều phối nhóm cùng giải quyết.
2.2. Lựa chọn và đề xuất phương pháp làm việc nhóm hiệu quả để lập kế hoạch và triển khai dự án HĐTN	Hoạt động hỗn loạn, không có phương pháp, mạnh ai nấy làm.	Thực hiện phân công đơn giản khi có yêu cầu, chưa dựa vào điểm mạnh của thành viên.	Đề xuất và lựa chọn được phương pháp phù hợp với nhiệm vụ và sở trường thành viên.	Linh hoạt kết hợp nhiều phương pháp, đánh giá và điều chỉnh để tối ưu hóa hiệu quả nhóm.

3.1. Thái độ (kiên trì, tích cực, tìm giải pháp) khi đối mặt với các khó khăn thực tế trong HĐT	Dễ dàng bỏ cuộc, nản chí, né tránh nhiệm vụ.	Có cố gắng nhưng cần sự động viên, hỗ trợ thường xuyên để tiếp tục.	Kiên trì, chủ động tìm cách vượt qua khó khăn và thử các giải pháp khác nhau.	Lạc quan, xem khó khăn là cơ hội, tự tạo động lực và truyền cảm hứng cho người khác.
3.2. Phân tích dự án/nhiệm vụ trải nghiệm thành các công việc cụ thể, logic để hoàn thành mục tiêu chung của nhóm.	Không thể xác định được các công việc cụ thể cần làm, nhìn nhận nhiệm vụ chung chung.	Liệt kê được một vài công việc nhưng còn chưa đầy đủ, thiếu logic, bỏ sót bước.	Phân tích nhiệm vụ thành các công việc nhỏ rõ ràng, logic và tương đối đầy đủ.	Phân tích toàn diện, chi tiết, có hệ thống; thấy được sự liên kết và phụ thuộc giữa các công việc.
4.1. Chủ động tìm kiếm thông tin thực tiễn liên quan đến HĐTN và tích cực thảo luận trong nhóm.	Thụ động, không tự tìm kiếm thông tin, không tham gia thảo luận hoặc chỉ tham gia khi bị ép buộc.	Có tìm kiếm thông tin khi được giao cụ thể. Tham gia thảo luận nhưng còn hời hợt, ít đóng góp.	Chủ động tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn. Tích cực tham gia thảo luận, chia sẻ thông tin tìm được và đặt câu hỏi.	Sáng tạo trong cách tìm kiếm và tổng hợp thông tin. Dẫn dắt, gợi mở các hướng thảo luận sâu sắc và hiệu quả cho cả nhóm.
4.2. Nêu và bảo vệ ý kiến cá nhân một cách xây dựng trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện hoạt động.	Hoàn toàn im lặng, không bao giờ nêu ý kiến cá nhân, ngay cả khi được hỏi trực tiếp.	Chỉ nêu ý kiến khi được hỏi và còn rụt rè, e ngại. Ý kiến thường chung chung, thiếu cơ sở.	Tự tin nêu và bảo vệ ý kiến cá nhân một cách rõ ràng, có logic. Tôn trọng ý kiến của người khác.	Nêu ý kiến một cách thuyết phục, có dẫn chứng cụ thể. Có khả năng phản biện và tổng hợp ý kiến của người khác để xây dựng giải pháp chung.
4.3. Tham gia phân chia công việc trong HĐTN dựa trên điểm mạnh của từng thành viên và sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công.	Né tránh nhận nhiệm vụ. Khi phân công thì không dựa trên cơ sở nào, gây bất mãn hoặc không hiệu quả.	Sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao nhưng không chủ động đề xuất. Tham gia phân công công việc một cách máy móc.	Chủ động đề xuất cách phân công công việc hợp lý dựa trên điểm mạnh của từng người. Sẵn sàng nhận cả những việc khó.	Có tầm nhìn trong việc phân công, nhìn ra tiềm năng của từng thành viên. Chủ động nhận trách nhiệm điều phối và hỗ trợ người khác hoàn thành nhiệm vụ.
4.4. Lắng nghe tích cực và phản hồi mang tính xây dựng đối với các ý tưởng và kết quả công việc của thành viên khác trong nhóm.	Không lắng nghe người khác, thường ngắt lời hoặc làm việc riêng. Phản hồi mang tính chỉ trích, tiêu cực hoặc không phản hồi.	Có lắng nghe nhưng dễ bị phân tâm. Phản hồi đơn giản (gật, đồng ý) nhưng chưa thể hiện sự thấu hiểu hay đóng góp thêm.	Lắng nghe tích cực và chăm chú. Phản hồi một cách xây dựng, thể hiện sự tôn trọng và thấu hiểu ý kiến của người khác.	Lắng nghe sâu sắc, có khả năng tóm tắt và phân tích ý kiến của người khác. Đưa ra phản hồi sâu sắc, giúp đồng đội phát triển ý tưởng.
5.1. Khả năng tự đánh giá về quá trình tham gia, kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm của bản thân sau mỗi HĐTN.	Không biết cách đánh giá	Biết cách đánh giá kết quả đạt được nhưng chưa trung thực.	Đánh giá chính xác kết quả đạt được nhưng chưa rút được kinh nghiệm	Đánh giá chính xác kết quả đạt được và rút được kinh nghiệm
5.2. Đánh giá lẫn nhau một cách công bằng, khách quan về sự đóng góp và kết quả của các thành viên khác và của cả nhóm trong suốt quá trình thực hiện.	Không biết cách đánh giá	Đánh giá chưa đúng, chưa công bằng kết quả đạt được của người khác, nhóm khác.	Đánh giá thiếu chính xác ở một vài tiêu chí và biết cách rút kinh nghiệm cho bản thân	Đánh giá chính xác, công bằng kết quả đạt được của người khác, nhóm khác và biết cách rút kinh nghiệm cho bản thân

3. Kết luận

Việc xây dựng rubric đánh giá năng lực GT&HT trong dạy học Vật lí thông qua HĐTN không chỉ mang ý nghĩa là công cụ đánh giá, mà còn là định hướng giúp giáo viên tổ chức, hướng dẫn và điều chỉnh các hoạt động dạy học theo đúng mục tiêu của Chương trình GDPT 2018.

Rubric được thiết kế bảo đảm tính khoa học, khách quan và phù hợp với thực tiễn, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Vật lí, đồng thời tạo điều kiện để HS phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập. Công cụ này cũng là cơ sở quan trọng để giáo viên và nhà quản lí giáo dục có thể đánh giá chính xác năng lực GT&HT của HS, từ đó xây dựng kế hoạch dạy học và bồi dưỡng năng lực phù hợp.

Như vậy, việc xây dựng rubric đánh giá năng lực GT&HT trong dạy học Vật lí thông qua HĐTN không chỉ đáp ứng yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực mà còn góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng giáo dục ở trường phổ thông.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.* Hà Nội

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông (Môn Vật lí).* Hà Nội.

[3]. Đỗ Hương Trà (Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Tưởng duy Hải, Phạm Xuân Quế, Dương Xuân Quý. (2019). *Dạy học phát triển năng lực môn Vật lí THPT.* NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4. Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh. (2024). *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục.* NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội

[5]. Nguyễn Minh Giang, Diệp Kiều My. (2023). *Xây dựng rubric đánh giá năng lực khoa học cho HS trong môn tự nhiên và xã hội lớp 2.* Tạp chí Giáo dục, 23-28.

[6]. Nguyễn Thị Dung. (2025). *Nghiên cứu đề xuất rubric đánh giá năng lực giáo dục kĩ năng sống của giáo viên tiểu học trong bối cảnh đổi mới giáo dục.* Tạp chí Giáo dục, 12 - 17.

[7]. Phạm Minh Hạc. (2013). *Từ điển bách khoa tâm lý học giáo dục học Việt Nam.* NXB Giáo dục. Hà Nội.

[8]. Trần Thị Gái, Kiều Thị Kính, Ngô Thị Hoàng Vân. (2020). *Thiết kế hoạt động trải nghiệm thiên nhiên phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho HS cấp trung học cơ sở*. Tạp chí Giáo dục, 40-25.

[9]. Trịnh Thúy Giang và cộng sự. (2023). *Đánh giá năng lực, phẩm chất HS theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội.